

ĐỀ CƯƠNG LỊCH SỬ 10 – ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

BÀI 8. HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

1. Văn minh Đông Nam Á từ những thế kỉ trước Công nguyên đến thế kỉ VII

Trên nền tảng của văn học bản địa với kĩ nghệ sắt khá phát triển và những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa, ở Đông Nam Á đã hình thành một số quốc gia như Văn Lang – Âu Lạc, Chăm-pa, Ta-ru-ma, Ma-lay-u,... trong đó lớn mạnh nhất là Phù Nam.

2. Văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ XV

- Từ thế kỉ VII đến thế kỉ X: tiêu biểu là Ăng-co, Sri Vi-giay-a.

- Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV: Những quốc gia thống nhất và lớn mạnh đã ra đời ở Đông Nam Á như Đại Việt, Ăng-co, Chăm-pa, Lan Xang, Su-khô-thay,...

→ Sự hoàn thiện của các nhà nước quân chủ với nền kinh tế phát triển thịnh đạt và xã hội ổn định đã đưa văn minh Đông Nam Á bước vào thời kì phát triển rực rỡ.

→ Định hình bản sắc với những thành tựu đặc sắc và sáng tạo trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa.

3. Văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX

- Đây là thời kì khủng hoảng và suy vong của nhiều quốc gia phòng kiến Đông Nam Á, gắn liền với quá trình xâm nhập của các nước phương Tây

- Sự du nhập văn hóa phương Tây đem đến cho Đông Nam Á nhiều yếu tố văn hóa mới như tôn giáo, ngôn ngữ, các hình thức văn hóa vật chất,...

BÀI 9. THÀNH TỰU TIÊU BIỂU CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á CỔ-TRUNG ĐẠI

1. Tín ngưỡng và tôn giáo

- Về tín ngưỡng:

+ Chung nhiều tín ngưỡng bản địa như tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ thần tự nhiên, thờ thần động vật,...

+ Tín ngưỡng tồn tại và dung hòa với các tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào và được bảo tồn trong suốt quá trình phát triển của văn minh Đông Nam Á.

- Về tôn giáo:

+ Chủ yếu tiếp thu Phật giáo và Hin-đu giáo từ Ấn Độ thông qua con đường thương mại và truyền giáo từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên.

+ Người Việt chủ yếu tiếp nhận hệ tư tưởng Nho giáo và các tôn giáo từ Trung Hoa, Ấn Độ.

+ Từ thế kỉ XVI, Thiên Chúa giáo được lan truyền thông qua các nhà truyền giáo phương Tây.

2. Văn tự và văn học

* Về văn tự:

- Tiếp thu hệ thống chữ viết của Ấn Độ, cư dân Đông Nam Á đã sáng tạo ra chữ viết riêng.

- Ở Việt Nam:

+ Tiếp thu một phần hệ thống chữ Hán của Trung Hoa và sáng tạo ra chữ Nôm.

+ Chữ Hán và chữ Nôm được sử dụng rộng rãi trước khi chữ Quốc ngữ ra đời.

* Về văn học:

- Kho tàng văn học dân gian rất phong phú với nhiều thể loại như truyền thuyết, sử thi, truyện cổ tích,... Tác phẩm tiêu biểu là sử thi *Đẻ đất đẻ nước* (Việt Nam), thần thoại *Pun-hơ Nhan-hơ* (Lào),...

- Văn học viết ra đời khá muộn (thế kỉ X – XIII). Tác phẩm tiêu biểu là *Truyện Kiều* (Việt Nam), *Truyện sử Me-lay-u* (Ma-lai-xi-a),...

- Văn học chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn học Ấn Độ, Trung Hoa, Ả Rập và phương Tây:

+ Văn học Cam-pu-chia được viết bằng chữ Phạn và chữ Khmer cổ.

+ Văn học Việt Nam thời quân chủ chịu ảnh hưởng của văn học Trung Hoa.

+ Văn học In-đô-nê-xi-a và Ma-lay-xi-a chịu ảnh hưởng của văn học Á Rập và phương Tây.

3. Kiến trúc và điêu khắc

- *Về kiến trúc:*

+ Kiến trúc dân gian: nhà sàn.

+ Kiến trúc tôn giáo: Phổ biến với các công trình kiến trúc Hin-đu giáo, Phật giáo, Hồi giáo và Thiên Chúa giáo.

+ Kiến trúc cung đình: hệ thống cung điện tại các kinh đô. Tiêu biểu là Thăng Long (Việt Nam), Luông-pha-băng (Lào),...

- *Về điêu khắc:*

+ Đạt đến trình độ cao với nhiều tác phẩm chạm khắc công phu, độc đáo.

+ Chịu ảnh hưởng rõ nét của điêu khắc Ấn Độ, Trung Hoa.

+ Phổ biến là tác phẩm điêu khắc mang tính chất tôn giáo như tượng thần, tượng Phật và phù điêu.

BÀI 10. VĂN MINH VĂN LANG - ÂU LẠC

1. Cơ sở hình thành

* *Về điều kiện tự nhiên:*

- *Vị trí địa lý:*

+ Hình thành trên phạm vi lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả (Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay).

+ Phía Bắc tiếp giáp với Trung Hoa, phía đông giáp biển.

→ Thúc đẩy sự giao lưu, tiếp xúc của cư dân Việt cổ với các nền văn minh khác.

- *Hệ thống sông:* bồi đắp phù sa, hình thành vùng đồng bằng màu mỡ.

- *Khí hậu:* nhiệt đới ẩm gió mùa. → Thuận lợi cư dân trồng trọt, chăn nuôi

- *Nguồn tài nguyên khoáng sản:* phong phú (sắt, đồng, chì, thiếc,...).

* *Về cơ sở xã hội:*

- *Xuất hiện sự phân hóa giữa các tầng lớp xã hội:* Quý tộc, Nông dân tự do, Nô tì

- *Hình thành mối liên kết giữa các cộng đồng cư dân Việt cổ:* Cư dân đoàn kết chống giặc ngoại xâm, Đắp đê, trị thủy, khai hoang mở rộng địa bàn cư trú.

2. Những thành tựu tiêu biểu

a. Tổ chức xã hội và Nhà nước

* *Tổ chức xã hội:* Quần tụ trong xóm, làng (chiềng, chạ, mường, bản,...), gồm nhiều gia đình, dòng họ sinh sống trên cùng một khu vực.

* *Nhà nước Văn Lang:*

- Ra đời vào khoảng thế kỉ VII TCN.

- Kinh đô đặt tại Phong Châu (Phú Thọ) ngày nay.

- Tổ chức nhà nước đơn giản:

+ Đứng đầu là Vua Hùng, giúp việc cho vua là các Lạc hầu.

+ Chia làm 15 bộ do Lạc tướng cai quản.

+ Dưới bộ là các chiềng, chạ do Bồ chính phụ trách.

* *Nhà nước Âu Lạc:*

- Năm 208 TCN, nước Âu Lạc ra đời do An Dương Vương đứng đầu.

- Tiếp tục kế thừa về tổ chức bộ máy chính quyền của nước Văn Lang.

- Lãnh thổ mở rộng trên cơ sở hòa hợp và thống nhất giữa người Âu Việt và Lạc Việt.

b. Hoạt động kinh tế

- Nổi bật là nông nghiệp: trồng lúa nước ở ven sông, làm rẫy ở đồi núi, chăn nuôi, đánh cá,...

- Nghề thủ công như chế tác đá, làm gốm, luyện kim, chế tác đồ trang sức,...

- Nguồn lương thực, thực phẩm bao gồm: gạo nếp, gạo tẻ, các loại rau, củ, quả, gia súc, gia cầm và các loại thủy sản.

c. Đời sống vật chất

- * *Về trang phục*: - Nam đóng khố, nữ mặc áo váy và đều đi chân đất.
- Vào dịp lễ hội, trang phục có thêm vòng, nhẫn, khuyên tai, mũ gắn lông,...
- * *Về nơi ở*: nhà ở phổ biến là nhà sàn làm bằng gỗ, tre, nứa, lá.
- * *Về đi lại*: phương thức di chuyển trên sông nước chủ yếu là dùng thuyền, bè.

d. Đời sống tinh thần

- *Về tín ngưỡng*: sùng bái các lực lượng tự nhiên:
- + Thờ thần Mặt Trời, thần núi, thần sông, Thờ cúng tổ tiên, anh hùng...
- *Về phong tục tập quán*: + Tục ăn trâu, nhuộm răng, xăm mình,...
- + Trong các dịp lễ hội, cư dân thường tổ chức đua thuyền, đấu vật.
- *Về ca múa, âm nhạc*: ca múa giao duyên nam nữ cùng với các loại nhạc cụ như trống đồng, chiêng, cồng,...
- *Về điêu khắc, luyện kim, kỹ thuật làm đồ gốm*: đạt đến trình độ thẩm mỹ và tư duy khá cao.

BÀI 11: VĂN MINH CHĂM-PA, VĂN MINH PHÙ NAM

1. Tìm hiểu về văn minh Chăm-pa

a. Cơ sở hình thành

*** Về điều kiện tự nhiên:**

- Hình thành trên vùng duyên hải và một phần cao nguyên miền Trung Việt Nam ngày nay.
- Địa hình đan xen khu vực cao nguyên với đồng bằng nhỏ hẹp.
- Những cánh đồng màu mỡ ven sông Thu Bồn.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho định cư và canh tác nông nghiệp của cư dân.
- Đường bờ biển dài. → Nơi tiếp xúc và giao lưu văn hóa từ bên ngoài, đặc biệt là văn hóa Ấn Độ.

*** Về dân cư:**

- Cư dân bản địa sinh sống lâu đời là những người nói tiếng Môn cổ, Có sự xuất hiện của cư dân nói tiếng Mã Lai – Đa Đảo → chủ nhân đầu tiên của văn minh Chăm-pa.

*** Về xã hội:**

- Nhiều tầng lớp khác nhau như tầng lữ, quý tộc, thủ công, dân nghèo,...
- Sự khác biệt giữa các tầng lớp thể hiện ở uy quyền, nhà ở, trang phục, điều kiện sinh hoạt.
- Bộ phận tầng lữ, quý tộc nắm quyền thống trị, chi phối đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa.

b. Thành tựu tiêu biểu

*** Về tổ chức xã hội và Nhà nước:**

- *Tổ chức xã hội*: Sinh sống trong các làng xóm, duy trì quan hệ cộng đồng và thân tộc.
- *Nhà nước*: + Ra đời vào khoảng thế kỷ II, được tổ chức theo thể chế quân chủ chuyên chế.
- + Đứng đầu là vua, giúp việc cho vua là quan lại trung ương và địa phương.

*** Về kinh tế:**

- Nông nghiệp có trồng lúa nước, chăn nuôi gia súc, đánh cá.
- Thủ công nghiệp tiêu biểu là nghề dệt, làm gốm,...
- Trao đổi hàng hóa với một số quốc gia hải đảo.

*** Về đời sống vật chất:**

- *Lương thực, thực phẩm*: gạo nếp, gạo tẻ, các loại kê, đậu,...
- *Trang phục*: nam, nữ thường quấn vải từ lưng trở xuống, tai đeo trang sức.
- *Nơi ở*: Vua ở trong lầu cao, dân ở nhà sàn dựng bằng gỗ.
- *Phương tiện đi lại*: thuyền loại hai đầu nhọn, có cánh buồm, phần đầu lái và mũi thuyền uốn cong.
- *Kỹ thuật làm đồ gốm và xây dựng đền tháp*: phát triển như trang trí kiến trúc đền tháp, gốm tráng men,...

*** Về đời sống tinh thần:**

- *Chữ viết*: ra đời trên cơ sở tiếp thu chữ Phạn và dần được sử dụng phổ biến trên các văn bia.
- *Tôn giáo*: + Chịu ảnh hưởng của tôn giáo Ấn Độ, Phật giáo được truyền bá rộng rãi.
- *Âm nhạc và ca múa*:
 - + Kiểu múa đặc biệt như điệu múa Áp-sa-ra trong cung đình, đền, miếu,...
- *Tư duy thẩm mỹ và sự sáng tạo*: thể hiện qua các công trình kiến trúc, điêu khắc, chế tác đồ trang sức,...

2. Tìm hiểu về văn minh Phù Nam

a. Cơ sở hình thành

1. Điều kiện tự nhiên

- Vị trí địa lí	- Hình thành trên lưu vực châu thổ sông Cửu Long, Giáp biển. → Cư dân sớm có điều kiện giao lưu với nền văn minh của nhiều quốc gia khác, đặc biệt là Ấn Độ.
- Sông ngòi	- Hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
- Địa hình	- Khu vực thấp → Thuận lợi cho nông nghiệp trồng lúa nước.

2. Dân cư và xã hội

- *Dân cư*: Chủ nhân của văn minh Phù Nam chủ yếu là cư dân bản địa (người Môn cổ) kết hợp với một bộ phận cư dân đến từ bên ngoài.
- *Xã hội*:
 - + Phân biệt giữa người giàu và người nghèo, giữa tầng lớp thống trị và bị trị.
 - + Vua, tầng lữ, quý tộc chi phối đời sống xã hội.
 - + Thương nhân có vai trò quan trọng trong nền kinh tế.
 - + Nông dân, thợ thủ công và một bộ phận nô lệ là bộ phận bị trị và là nguồn lao động chính.

b. Thành tựu tiêu biểu

*** Về tổ chức xã hội và Nhà nước:**

- *Tổ chức xã hội*: + Sinh sống chủ yếu trong các xóm, làng (phum, sóc).
- *Nhà nước*: + Ra đời vào khoảng thế kỉ I.
- + Tổ chức theo thể chế quân chủ chuyên chế, Giúp việc cho vua là hệ thống quan lại, tầng lữ.

*** Về kinh tế:**

- Trung tâm thương mại lớn của khu vực.
- Nông nghiệp trồng lúa nước và đánh bắt hải sản phát triển.
- Thủ công nghiệp đa dạng với các nghề làm muối, dệt, kim hoàn,...

*** Về đời sống vật chất:**

- *Lương thực, thực phẩm*: là lúa gạo và các loại rau, củ, quả; thực phẩm từ chăn nuôi gia súc, gia cầm,....
- *Trang phục*:
 - + Phổ biến lá áo chui đầu hoặc ở trần, dùng vải quần làm váy.
 - + Đi chân đất hoặc đi dép bằng gỗ cây bao hương, vua đi dép bằng ngà voi.
 - + Đeo trang sức làm bằng đá quý, thủy tinh, vàng, bạc,...
- *Nhà ở*: nhà sàn bằng gỗ.
- *Phương tiện di chuyển*: thuyền bè trên kênh rạch, sông, biển.

*** Về đời sống tinh thần:**

- *Chữ viết*: + Có loại giống chữ Hán, có loại giống chữ Phạn.
- *Tín ngưỡng, tôn giáo*: + Hin-đô giáo, Phật giáo được tôn sùng.
- + Dân gian còn có tín ngưỡng sùng bái núi thiêng và nàng công chúa rắn.
- *Tư duy thẩm mỹ*: phát triển ở trình độ khá cao.

BÀI 12. CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT

1. Khái niệm văn minh Đại Việt

- Văn minh Đại Việt là những sáng tạo vật chất và tinh thần tiêu biểu trong kỉ nguyên độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt gắn liền với chính quyền họ Khúc, họ Dương và các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê sơ, Mạc, Lê Trung Hưng, Tây Sơn, Nguyễn.
- Thời gian tồn tại: từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX, Kinh đô chủ yếu ở Thăng Long (Hà Nội).

2. Cơ sở hình thành văn minh Đại Việt

- Kế thừa nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc.
- Dựa trên nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt.
- Tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn minh bên ngoài.

3. Quá trình phát triển của văn minh Đại Việt

- *Thế kỉ X*: **bước đầu được định hình**, phát triển kinh tế, văn hóa gắn liền với chính quyền họ Khúc, họ Dương và các vương triều Ngô, Đinh, Tiền Lê.
- *Thế kỉ XI – XV*:
 - + **Hình thành và phát triển toàn diện**, gắn liền với các vương triều Lý, Trần, Hồ, Lê Sơ.
 - + Tính dân tộc thể hiện rõ nét, đặc biệt là thời kì Lý, Trần.
 - + Từ thế kỉ XV, Nho giáo dần trở thành hệ tư tưởng chính thống, giáo dục phát triển, khoa cử từng bước trở thành phương thức chủ yếu trong tuyển chọn quan lại.
- *Thế kỉ XVI – XVII*:
 - + **Tiếp tục phát triển và đạt được nhiều thành tựu đặc sắc**, gắn liền với các vương triều Lê sơ (giai đoạn cuối), Mạc, Lê Trung hưng.
 - + Nho giáo và giáo dục, khoa cử tiếp tục ảnh hưởng mạnh mẽ, có vai trò lớn trong đời sống chính trị, xã hội.
 - + Từ đầu thế kỉ XVI, một số yếu tố văn hóa phương Tây từng bước du nhập vào Đại Việt.
- *Thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX*:
 - + Biến động do quốc gia Đại Việt rơi vào **khủng hoảng**, gắn liền với các vương triều Lê trung hưng (giai đoạn hậu kì), Tây Sơn, Nguyễn.
 - + Một số lĩnh vực văn minh Đại Việt vẫn đạt được những thành tựu nổi bật.

BÀI 13: MỘT SỐ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT

1. Thành tựu cơ bản

a. Chính trị

*** Tổ chức bộ máy nhà nước**

- Không ngừng được củng cố, hoàn thiện từ trung ương đến địa phương, tiêu biểu là tổ chức bộ máy nhà nước thời Lê sơ.

* **Luật pháp:** Nhà nước tăng cường quản lý xã hội thông qua luật pháp.

- Năm 1042, vua Lý Thái Tông ban hành bộ *Hình thư*. → Bộ luật thành văn đầu tiên của Đại Việt.

- Năm 1230, vua Trần Thái Tông cho soạn bộ *Hình luật*.

- Năm 1483, bộ *Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức)* dưới thời Lê sơ ra đời.

- Năm 1811, vua Gia Long cho biên soạn bộ *Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long)* và ban hành năm 1815.

→ Nội dung chủ yếu của các bộ luật: Đề cao tính dân tộc và chủ quyền quốc gia, Bảo vệ quyền lực của vua, quý tộc, quan lại, Bảo vệ sức kéo trong nông nghiệp, Bảo vệ quyền lợi của nhân dân, trong đó có quyền lợi của phụ nữ.

b. Kinh tế

*** Nông nghiệp**

- Thực hiện nhiều chính sách quan tâm, chăm lo phát triển sản xuất nông nghiệp: đắp đê, tổ chức khai hoang, ban hành phép “quân điền”, thực hiện chính sách “ngụ binh ư nông”, miễn giảm thuế,...

- Hình thành những chức năng quản lý, giám sát và khuyến khích sản xuất nông nghiệp như Hà đê sứ, Khuyến nông sứ, Đôn điền sứ → Góp phần tạo điều kiện cho nông dân có ruộng đất canh tác.

- Ngành kinh tế chủ đạo với cây trồng chính là lúa nước.

- Công cuộc khai hoang làm mở rộng lãnh thổ và tăng cường khả năng phòng thủ đất nước.

- Nhà nước tăng cường vận động nhân dân tham gia đắp đê phòng lụt trên quy mô lớn, hình thành hệ thống đê điều, thủy lợi hoàn chỉnh trong cả nước.

*** Thủ công nghiệp**

- Tiếp tục duy trì và phát triển ở các địa phương với nhiều làng nghề như dệt lụa, làm đồ gốm, đồ trang sức, rèn sắt,...

- Thủ công nghiệp nhà nước do triều đình trực tiếp quản lý được chú trọng. Các hoạt động chủ yếu là đúc tiền kim loại, đóng thuyền lớn, sản xuất vũ khí cho quân đội,...

→ Sự phát triển của thủ công nghiệp vừa đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong nước, vừa tạo ra được những mặt hàng quan trọng để trao đổi với thương nhân nước ngoài.

*** Thương nghiệp**

- Chợ làng, chợ huyện được hình thành và phát triển mạnh.

- Kinh đô Thăng Long trở thành trung tâm buôn bán sầm uất dưới thời Lý, Trần, Lê sơ.

- Hoạt động trao đổi, buôn bán với các nước trong khu vực khá phát triển với nhiều mặt hàng phong phú như lụa, hương liệu, ngà voi, vàng, bạc,... Từ thế kỉ XVI, thương nhân phương Tây đã vào Đại Việt trao đổi, buôn bán.

c. Tư tưởng, tôn giáo

- Về tư tưởng:

+ Yêu nước, thương dân được xem là tiêu chuẩn đạo đức cao nhất để đánh giá con người và các hoạt động xã hội. Đó là cội nguồn của tư tưởng “lấy dân làm gốc”.

- Về tôn giáo:

+ Phật giáo phát triển mạnh trong buổi đầu độc lập và trở thành quốc giáo thời Lý, Trần.

+ Đạo giáo được duy trì, phát triển trong dân gian, được các triều đại phong kiến coi trọng.

d. Về giáo dục:

- Hệ thống giáo dục được mở rộng, nhằm đào tạo đội ngũ quan lại cho bộ máy chính quyền.

- Năm 1070, nhà Lý cho dựng Văn Miếu, tạc tượng Chu Công Khổng Tử.
- Năm 1075, triều đình mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn nhân tài.
- Năm 1076, vua Lý cho mở Quốc Tử Giám.

- Từ thời Trần, lập Quốc học viện cho con em quan lại học tập.

- Từ thời Lê sơ, hệ thống trường học mở rộng trên cả nước.

- Tăng cường khuyến khích nhân dân học tập, tiêu biểu là ban *Chiếu khuyến học* thời Tây Sơn.

e. Chữ viết và văn học

- Về văn học:

+ Văn học chữ Hán: Phát triển mạnh, tiêu biểu như *Chiếu dời đô* (Lý Thái Tổ), *Nam quốc sơn hà* (khuyết danh), *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn),...

+ Văn học chữ Nôm: Phát triển mạnh trong các thế kỉ XVI – XIX. Tiêu biểu là *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, thơ Nôm của vua Lê Thánh Tông và các văn thần,...

- Về chữ viết:

- Tiếp thu chữ Hán của người Trung Hoa, người Việt đã sáng tạo ra chữ Nôm.
- Một số triều đại có chính sách khuyến khích và đề cao chữ Nôm (nhà Hồ, nhà Tây Sơn).
- Thế kỉ XVII, chữ Quốc ngữ được hình thành, cải biến bảng chữ cái La-tinh, trở thành chữ viết chính thức của người Việt.

f. Nghệ thuật

- Nghệ thuật kiến trúc:

+ Hệ thống cung điện, chùa, tháp, thành lũy được xây dựng với quy mô lớn. Tiêu biểu là Hoàng thành Thăng Long, thành Lam Kinh,...

+ Nhiều ngôi chùa có kiến trúc độc đáo như chùa Một Cột, chùa Trấn Quốc, chùa Phật Tích,...

+ Kiến trúc đình làng phát triển mạnh, tiêu biểu như đình làng Đình Bảng (Bắc Ninh),...

+ Nghệ thuật điêu khắc trên đá, gốm, gỗ thể hiện phong cách đặc sắc, tinh xảo với nhiều loại hình phong phú, như hoa văn trang trí hình sóng nước, hoa sen,...

- *Âm nhạc*: + Phát triển với nhiều thể loại, hệ thống nhạc cụ phong phú (trống, đàn bầu, sáo,...).

- + Âm nhạc cung đình có vai trò quan trọng trong các sự kiện lớn của triều đình.
- + Nghệ thuật sân khấu phát triển như hát chèo, hát tuồng, hát quan họ,...

g. Khoa học, kĩ thuật

- Sử học: *Đại Việt sử ký* (Lê Văn Hưu), *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)..
- Địa lí: *Dư địa chí* (Nguyễn Trãi), *Hồng Đức bản đồ* (triều Lê sơ)...
- Quân sự: *Binh thư yếu lược*, *Hồ trướng khu cơ* (Đào Duy Từ),...
- Y học: *Hải Thượng y tông tâm lĩnh* (Hải Thượng Lãn Ông – Lê Hữu Trác),...
- Toán học: *Đại thành toán pháp* (Lương Thế Vinh), *Lập thành toán pháp* (Vũ Hữu),...
- Kĩ thuật: Đúc súng thần cơ, đại bác, đóng thuyền chiến, làm đồ gốm sứ,...

2. Ý nghĩa của văn minh Đại Việt

- Thể hiện sức sáng tạo và giá trị truyền thống lao động bền bỉ của các thế hệ người Việt.
- Là tiền đề và điều kiện để tạo nên sức mạnh của dân tộc trong công cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia.
- Góp phần bảo vệ và phát huy những thành tựu, giá trị của nền văn minh Việt cổ.
- Có giá trị lớn đối với quốc gia, dân tộc Việt Nam.

BÀI TẬP LỊCH SỬ

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Trên cơ sở nền văn minh bản địa, cư dân Đông Nam Á cổ đại đã sớm tiếp thu ảnh hưởng các nền văn minh nào sau đây?

- A. Ấn Độ, Trung Hoa.
- B. Ấn Độ, phương Tây.
- C. Trung Hoa, phương Tây.
- D. Ấn Độ, Trung Hoa, phương Tây.

Câu 2: Sự tiếp xúc, giao thoa văn hóa giữa Đông Nam Á với văn minh Trung Hoa thông qua con đường

- A. buôn bán và bành trướng xâm lược của Trung Quốc.
- B. buôn bán và truyền đạo của các tu sĩ người Trung Quốc.
- C. chỉ ảnh hưởng qua con đường giao thương, buôn bán.
- D. xâm lược, thống trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc.

Câu 3: Hệ tư tưởng Nho giáo du nhập vào khu vực Đông Nam Á từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên là có nguồn gốc từ

- A. Ấn Độ.
- B. Trung Quốc.
- C. phương Tây.
- D. Nhật Bản.

Câu 4: Sự hình thành nền văn minh Đông Nam Á là trên cơ sở tự nhiên, xã hội riêng biệt và

- A. nhu cầu liên kết cộng đồng, sự ảnh hưởng yếu tố tích cực bên ngoài.

B. nhu cầu phát triển, sự ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa.

C. sự ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ, Trung Hoa và phương Tây.

D. sự tiếp thu có chọn lọc những yếu tố văn hóa tích cực từ bên ngoài.

Câu 5: Điểm chung của văn minh Đông Nam Á trong quá trình tiếp thu ảnh hưởng từ văn minh Ấn Độ, Trung Hoa là đều có tiếp nhận qua con đường

A. biên giới. **B.** buôn bán. **C.** xâm lược. **D.** thống trị.

Câu 6: Từ thế kỉ VII đến cuối thế kỉ XV là giai đoạn văn minh Đông Nam Á

A. bước đầu hình thành. **B.** bước đầu phát triển.

C. phát triển rực rỡ. **D.** tiếp tục phát triển.

Câu 7: Đền, chùa, tháp là các công trình kiến trúc thuộc dòng kiến trúc

A. dân gian. **B.** tôn giáo. **C.** cung đình. **D.** tâm linh.

Câu 8: Ngoài ảnh hưởng sâu sắc từ Ấn Độ và Trung Hoa, văn học Đông Nam Á còn chịu ảnh hưởng từ văn học

A. phương Tây và Nhật Bản. **B.** Ả Rập và phương Tây.

C. Nhật Bản và Ả Rập. **D.** Ả Rập và Thổ Nhĩ Kỳ.

Câu 9: Thế kỉ XI-XII, trên cơ sở tiếp thu một phần chữ Hán của Trung Quốc, người Việt đã sáng tạo ra chữ viết riêng là

A. chữ Chăm cổ. **B.** chữ Nôm. **C.** Chữ Khơ-me cổ. **D.** chữ Mã Lai cổ

Câu 10: Địa bàn cư trú chủ yếu của cư dân Việt cổ thuộc khu vực nào trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay?

A. Khu vực Bắc bộ và Bắc Trung bộ. **B.** Khu vực Trung bộ ngày nay.

C. Khu vực Nam bộ ngày nay. **D.** Cư trú rải rác trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Câu 11: Kinh tế chính của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là

A. săn bắn, hái lượm. **B.** nông nghiệp lúa nước.

C. thương nghiệp. **D.** thủ công nghiệp.

Câu 12: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng đời sống tinh thần của người Việt cổ trong xã hội Văn Lang - Âu Lạc?

A. Hoạt động kinh tế là nông nghiệp lúa nước. **B.** Tín ngưỡng phồn thực, thờ cúng ông bà tổ tiên.

C. Tục xăm mình, ăn trầu, nhuộm răng đen. **D.** Âm nhạc phát triển cả về nhạc cụ lẫn loại hình biểu diễn.

Câu 13: Nhận xét nào sau đây thể hiện **đúng** đặc điểm của bộ máy nhà nước Văn Lang-Âu Lạc?

A. Xây dựng bộ máy chuyên chế ở trình độ cao. **B.** Bộ máy nhà nước đảm bảo tính dân chủ.

C. Bộ máy nhà nước sơ khai chưa thể hiện chủ quyền. **D.** Tổ chức đơn giản nhưng thể hiện được chủ quyền.

Câu 14: Nhận xét nào dưới đây là **không** đúng về vai trò của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc đối với tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam?

- A. Là nền văn minh đầu tiên của dân tộc Việt Nam.
- B. Phác họa và định hình bản sắc dân tộc, tránh nguy cơ bị đồng hóa.
- C. Đưa Việt Nam trở thành quốc gia giàu mạnh nhất khu vực.
- D. Đặt nền tảng cho sự phát triển của các nền văn minh sau này.

Câu 15: Về tổ chức bộ máy nhà nước, văn minh Đại Việt đạt được thành tựu nổi bật nào sau đây?

- A. Bộ máy nhà nước quân chủ không ngừng được hoàn chỉnh.
- B. Thành lập 6 bộ ở các địa phương để chăm lo phát triển đất nước.
- C. Bộ máy nhà nước từng bước hoàn thiện từ quân chủ đến dân chủ.
- D. Cơ quan hành chính được quy củ chặt chẽ ở mọi các triều đại.

Câu 16: Bộ luật thành văn đầu tiên của nền văn minh Đại Việt có tên gọi là

- A. Hình luật.
- B. Luật Hồng Đức.
- C. Hình thư.
- D. Luật tổ tụng.

Câu 17: So với các bộ luật khác của văn minh Đại Việt, luật Hồng Đức có điểm tiên bộ nào sau đây?

- A. Hạn chế nô tì phục vụ trong các gia đình quý tộc.
- B. Ban tặng ruộng đất cho nhân dân lao động.
- C. Bảo vệ các quyền lợi của vua và tầng lớp quý tộc.
- D. Bảo vệ quyền lợi của nhân dân, trong đó có phụ nữ.

Câu 18: Chính sách nào sau đây được các triều đại phong kiến Việt Nam thực hiện để tăng cường và khuyến khích sản xuất nông nghiệp?

- A. Hạn chế cấp ruộng đất của quý tộc, quan lại và địa chủ.
- B. Chia ruộng đất và miễn các loại thuế ruộng cho nông dân.
- C. Ban hành chính sách “quân điền” và “ngụ binh ư nông”.
- D. Kết hợp phát triển công nghiệp và nghề thủ công nghiệp.

Câu 19: Các bộ luật thành văn của Việt Nam thời phong kiến **không** có điểm chung nào sau đây?

- A. Đề cao tính dân tộc và chủ quyền quốc gia.
- B. Bảo vệ quyền lực của vua, quý tộc, quan lại.
- C. Tôn vinh địa vị và quyền lợi của người phụ nữ.
- D. Bảo vệ nhân dân, sức kéo trong nông nghiệp.

Câu 20: Sự hình thành và phát triển của văn minh Đại Việt dựa trên nền tảng kinh tế chủ đạo nào sau đây?

- A. Ngư nghiệp.
- B. Lâm nghiệp.
- C. Nông nghiệp.
- D. Chế biến.

Câu 21. Để thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển, các triều đại phong kiến Việt Nam **không** giao cho chức quan nào sau đây phụ trách?

- A. Hà đề sứ. B. Khuyến nông sứ. C. Đồn điền sứ. D. Thái y.

Câu 22. Về thủ công nghiệp, văn minh Đại Việt đạt được thành tựu nào sau đây?

- A. Ngày càng có nhiều làng nghề thủ công nổi tiếng cả nước.
B. Thủ công nghiệp được giao cho các cơ sở tư nhân quản lí.
C. Sản phẩm thủ công chỉ trao đổi ở địa phương trong nước.
D. Lập ra nhiều xưởng thủ công ở trong nước và nước ngoài.

Câu 23. Nội dung nào sau đây là thành tựu nổi bật về sự phát triển thương nghiệp của văn minh Đại Việt?

- A. Xuất hiện ngày càng nhiều đô thị và cảng thị. B. Thương nghiệp tập trung hoạt động nông thôn.
C. Từ thời Tiền Lê đã buôn bán với phương Tây. D. Thời Trần, hệ thống chợ bước đầu hình thành.

Câu 24. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng phương thức và kĩ thuật canh tác trong sản xuất nông nghiệp của cư dân Đại Việt?

- A. Sử dụng công cụ lao động bằng sắt. B. Sử dụng sức kéo của trâu, bò.
C. Mỗi năm thâm canh nhiều vụ lúa. D. Đưa cơ khí hoá vào sản xuất.

Câu 25. Trong quá trình phát triển, cư dân Đại Việt đã tiếp thu có chọn lọc hệ tư tưởng nào sau đây để làm phong phú thêm nền văn hoá dân tộc?

- A. Dân chủ tư sản. B. Dân chủ chủ nô. C. Nho giáo. D. Mác - Lê-nin.

Câu 26. Nội dung nào sau đây **không** phải là lĩnh vực văn hoá được cư dân Đại Việt tiếp thu từ văn minh bên ngoài (thế kỉ XV – nửa đầu thế kỉ XIX)?

- A. Công giáo. B. Hồi giáo. C. Chữ La-tinh. D. Nho giáo.

Câu 27. Nội dung nào sau đây nhận thức **không** đúng về chùa Một Cột – một trong những biểu tượng của văn minh Đại Việt?

- A. Nằm trong quần thể chùa Diên Hựu, ở kinh thành Thăng Long.
B. Có kiến trúc độc đáo, kết hợp kiến trúc Phật giáo và Hin-đu giáo.
C. Được vua Lý Thái Tông cho khởi công xây dựng từ năm 1049.
D. Là ngôi chùa thờ Phật, có kiến trúc độc đáo bậc nhất ở châu Á.

Câu 28. Về giáo dục, văn minh Đại Việt có thành tựu tiêu biểu nào sau đây?

- A. Vinh danh tất cả người đỗ đạt ở Văn Miếu. B. Lập Quốc học viện để tuyển chọn quan lại.
C. Có hệ thống trường học mở rộng trên cả nước. D. Quy định phổ cập giáo dục cho nhân dân.

Câu 29. Văn Miếu - Quốc Tử Giám được xây dựng (thời Lý) và không ngừng mở rộng có ý nghĩa nào sau đây đối với sự phát triển của văn minh Đại Việt?

- A. Trở thành trung tâm tôn giáo của cả nước. B. Thúc đẩy nền giáo dục và thi cử Đại Việt.
C. Là cơ sở giáo dục duy nhất trên cả nước. D. Đặt cơ sở cho sự phát triển ngành Sử học.

Câu 30. “An Nam tứ đại khí” là thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt vào các triều đại nào sau đây?

- A. Lý – Trần. B. Tiền Lê – Lý. C. Trần – Lê sơ. D. Tây Sơn.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG- SAI:

Câu 1. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Việc dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long là một bước tiến mới, thể hiện sự trưởng thành của ý thức dân tộc và của giai cấp phong kiến. Cũng từ đây, Thăng Long trở thành trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của nước Đại Việt và Việt Nam sau này.

Nền Văn hoá Đại Việt thời kì này có nguồn gốc sâu xa từ những truyền thống lag động sản xuất, chiến đấu của tổ tiên, nó được kế thừa những di sản văn hóa của thôn kì Văn Lang, Âu Lạc và của hàng ngàn năm đấu tranh chống Bắc thuộc. Vì vậy, n càng có điều kiện để phát huy và phát triển trong hoàn cảnh đất nước hoà bình”

(Trương Hữu Quỳnh (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến 1858*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004, t0.91)

- a) Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về văn minh Đại Việt có nguồn gốc sâu xa từ văn minh Văn Lang - Âu Lạc.
b) Thăng Long đã trở thành trung tâm phát triển rực rỡ của văn minh Đại Việt sau khi nhà Lý dời đô từ Hoa Lư.
c) Những thành tựu của văn minh Đại Việt được xây dựng mới, dựa trên cơ sở tiếp thu nguyên bản từ các nền văn minh bên ngoài.
d) Việc dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long là bước ngoặt trong nhận thức, để củng cố và phát triển ý thức dân tộc của người Việt.

Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Âm mưu xâm lược của đế chế phương Bắc chưa hết hẵn, nhưng tinh thần độc lập, tự chủ của người Việt đến đây được khẳng định không bao giờ mất. Trong bối cảnh Đông Nam Á và thế giới, người Việt lập quốc gia độc lập tương đối muộn -thế kỉ X. Nhưng đó cũng là 10 thế kỉ tôi luyện trong đấu tranh, 10 thế kỉ tự trau dồi, tự vươn mình lên kịp thời đại để giành được thắng lợi. Cho nên khi nó đứng trong lịch sử là một quốc gia tự chủ mới lập thì không phải là một đứa trẻ mới sinh mà là một người đã trưởng thành”.

(Lương Ninh (Chủ biên), *Đông Nam Á, Lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr. 109)

- a) Trải qua 1000 năm đấu tranh chống Bắc thuộc, tinh thần độc lập và tự chủ của người Việt luôn luôn được khẳng định trong suốt chiều dài lịch sử.
- b) Lập nên quốc gia độc lập vào thế kỉ X, đó là kết quả của một quá trình kéo dài 10 thế kỉ đấu tranh của người Việt và tự rèn luyện để đạt được tự chủ.
- c) Quốc gia độc lập của người Việt ra đời vào thế kỉ X là một quốc gia non trẻ, được hình thành một cách ngẫu nhiên do hoàn cảnh lịch sử của khu vực bấy giờ.
- d) Người Việt lập quốc gia tương đối muộn, nhưng quốc gia này đã tự rèn luyện, trưởng thành qua 10 thế kỉ tự rèn luyện trong hoà bình và độc lập.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“... Hồi quốc sơ, dân không đủ đồ dùng, phải lấy vỏ cây làm áo, dẹt cối giành làm chiếu, lấy cốt gạo làm rượu, lấy cây quang lang, cây tung lư làm com (có chỗ viết là uống), lấy cầm thú, cá, ba ba làm mắm, lấy rễ gừng làm muối, cấy [cày] bằng dao, trồng bằng lửa. Đất sản xuất được nhiều gạo nếp, lấy ống tre mà thổi com. Bắc gỗ làm nhà để tránh hổ sói. Cắt tóc ngắn để dễ đi lại trong rừng rú”.

(Trần Thế Pháp, *Lĩnh Nam chí quái*, NXB Trẻ – NXB Hồng Bàng, Thành phố Hồ Chí Minh, 2013, tr.40)

- a) Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về thời kì dựng nước đầu tiên của dân tộc Việt Nam.
- b) Đời sống vật chất của người Việt cổ rất phong phú, gắn với nghề thủ công nghiệp.
- c) Nhiều phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Việt thời kì Văn Lang – Âu Lạc vẫn được lưu giữ đến ngày nay.
- d) Người Việt cổ đã biết làm nhà gỗ để tránh thú dữ, đoàn kết chống ngoại xâm và xây dựng nhiều tuyến đê biển.

Câu 4. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Trong điều kiện tự nhiên của khu vực nhiệt đới gió mùa, Đông Nam Á đã sản sinh ra những sản vật đặc trưng của mình. Hệ sinh thái đa dạng với các loại cây như dừa, mít, chuối, xoài, đu đủ, cam, quýt,... Bên cạnh cây lúa (lúa nếp, lúa tẻ) là cây lương thực thế mạnh và đặc trưng của tất cả các quốc gia cận biển và hải đảo trong khu vực, thì có những cây trồng chỉ là sản phẩm riêng của khu vực hoặc chỉ ở đó mới có chất lượng tốt nhất mà các nước phương Tây mơ ước. Từ sớm, thương nhân người Hoa đã chú ý đến long não ở Bắc Su-ma-tra, nhựa thông và cánh kiến của Đông Nam Á cũng đã được các nước ngoài khu vực săn đón để mua về. Ở vùng quần đảo Ma-lu-ku có nhiều đinh hương, đảo Ban-da có thể mạnh về nhục đậu khấu, Tây Gia-va và Nam Su-ma-tra lại có nhiều hồ tiêu...”.

(Lương Ninh, *Đông Nam Á: Lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, tr.261)

- a) Hệ sinh thái Đông Nam Á không đóng góp nhiều vào sự phát triển kinh tế khu vực, do sản phẩm cây trồng ít có giá trị thương mại.

- b) Quần đảo Ma-lu-ku và đảo Ban-da đã trở thành các trung tâm thương mại nổi tiếng trong lịch sử giao thương với phương Tây.
- c) Sự giao thương giữa các nước phương Tây với Đông Nam Á diễn ra sau khi phương Tây xâm nhập và mở rộng ảnh hưởng sang khu vực Đông Nam Á.
- d) Những sản phẩm ở Đông Nam Á đã trở thành yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy giao thương giữa các quốc gia trong khu vực và phương Tây.

CÂU HỎI TỰ LUẬN:

- Câu 1:** Trình bày thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời cổ trung đại về lĩnh vực: chữ viết, văn học?
- Câu 2:** Trình bày thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời cổ trung đại về lĩnh vực: tư tưởng, tôn giáo?
- Câu 3:** Trình bày thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời cổ trung đại về lĩnh vực: kiến trúc, điêu khắc?
- Câu 4:** Nêu những thành tựu tiêu biểu của văn minh Văn Lang- Âu Lạc về: đời sống vật chất, đời sống tinh thần?
- Câu 5:** Nêu đặc điểm tổ chức xã hội và Nhà nước của văn minh Văn Lang- Âu Lạc?
- Câu 6:** Nêu đặc điểm tổ chức xã hội và Nhà nước của văn minh Chăm pa?
- Câu 7:** Nêu đặc điểm tổ chức xã hội và Nhà nước của văn minh Phù Nam?
- Câu 8:** Nêu đời sống vật chất và đời sống tinh thần của văn minh Chăm pa?
- Câu 9:** Nêu đời sống vật chất và đời sống tinh thần của văn minh Phù Nam?
- Câu 10:** Trình bày thành tựu của văn minh Đại Việt về chính trị?
- Câu 11:** Trình bày thành tựu của văn minh Đại Việt về kinh tế?
- Câu 12:** Trình bày thành tựu của văn minh Đại Việt về tư tưởng- tôn giáo, giáo dục?
- Câu 13:** Nêu ý nghĩa của văn minh Đại Việt? Lấy ví dụ một vài thành tựu tiêu biểu mà em ấn tượng?